

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 06-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Anh; Bà Võ Thị Hồng Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngân Mai Quỳnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Vi Văn Th, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14 tháng 8 năm 1993, tại xã LD, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Bản YT, xã LD, huyện CC, tỉnh NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Vi Văn Th, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Lương Thị H, sinh năm 1966; Vợ Lô Thị Ng, sinh năm 1990, Con: có 01 người con sinh năm 2015. Vợ, con hiện trú tại Bản YT, xã LD, huyện CC, tỉnh NA; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 03 năm 2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Hùng - Trợ giúp viên, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bị hại: Anh Trương Công S, sinh năm 1971- Có mặt.

Địa chỉ: Bản LS, xã LD, huyện CC, tỉnh NA.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối 7/8, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Lữ Văn T, sinh năm 1984 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản LS, xã LD, huyện CC, tỉnh NA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ, ngày 18/03/2020, bị cáo Vi Văn Th đi bộ từ nhà đến quán bán hàng tạp hóa của anh Trương Công S chơi. Ngồi chơi được một lúc thì anh S khóa cửa để đi ra thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Thấy anh S đi vắng, lợi dụng nhà anh S không có ai trông coi nên Th nảy sinh ý định vào nhà anh S để trộm cắp tài sản. Th đi đến cửa (cửa kéo) nhà anh S thấy có một lỗ nhỏ, Th liền dùng tay đẩy vào góc cửa nhà anh S rồi chui vào trong nhà. Bị cáo đi đến chiếc tủ gỗ 96 trong nhà anh S lục tìm trong túi quần treo ở trong tủ lấy được một số tiền và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen đã qua sử dụng. Sau đó Th đi đến tủ đựng hàng tạp hóa lục tìm trong chiếc rương bằng sắt lấy được khoảng 150.000đồng. Sau khi lấy trộm được số tài sản nói trên, Th cất vào túi quần rồi theo lối đường cũ thoát ra ngoài để về nhà. Về đến nhà Th lấy số tiền trộm cắp được ra đếm được 3.700.000đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Th đi nhờ xe đem chiếc điện thoại di động trộm trong nhà anh S ra thị trấn Con Cuông bán cho chị Nguyễn Thị L được số tiền 900.000đồng.

Ngày 25 tháng 03 năm 2020, anh Trương Công S viết đơn trình báo đến Công an xã LD, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An về việc vào khoảng 11 giờ, ngày 18 tháng 03 năm 2020, khi anh về nhà thì phát hiện bị kẻ gian vào nhà lấy trộm 3.700.000đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPO A3S màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An kết luận: Trị giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPO A3S màu đen do Th trộm cắp tại nhà anh S là 2.500.000đồng

Cáo trạng số 22/CT-VKS-CC ngày 15/4/2020 của VKSND huyện Con Cuông đã truy tố bị cáo Vi Văn Th về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên Tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt Vi Văn Th từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/3/2020; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Bị cáo phải trả lại cho anh Trương Công S số tiền 3.700.000, chị Nguyễn Thị L số tiền 900.000đ; Miễn toàn bộ án phí HSST và DSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Vi Văn Th thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến bào chữa: Đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú nên đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất và hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Trong quá trình điều tra: Cơ quan điều tra, Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị cáo; xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vi Văn Th đã khai nhận: Vào khoảng 10 giờ, ngày 18 tháng 03 năm 2020, Vi Văn Th đã có hành vi vào nhà anh Trương Công S trộm cắp số tiền 3.700.000đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPO A3S màu đen đã qua sử dụng trị giá 2.500.000đồng, tổng trị giá tài sản mà bị cáo Vi Văn Th trộm cắp là 6.200.000đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản ghi lời khai, kết luận định giá, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi nêu trên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vi Văn Th đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật,

nhưng do lười lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã ngang nhiên trộm cắp tài sản của người khác. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên việc người bào chữa đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Trong vụ án này chị Nguyễn Thị L là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPO A3S do bị cáo Th bán, nhưng qua điều tra đã xác định được khi mua chị L không biết chiếc điện thoại đó là do bị cáo Th phạm tội mà có. Vì vậy, cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L là đúng pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh Trương Công S. Tại phiên tòa người bị hại anh Trương Công S có yêu cầu bị cáo Th trả lại số tiền 3.700.000đồng mà bị cáo lấy trộm; Tại phiên tòa Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình điều tra chị yêu cầu bị cáo Th trả lại cho chị L số tiền 900.000đồng mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPO A3S. Xét thấy, yêu cầu của anh S và chị L là hợp pháp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc Thái sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ và án phí dân sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Vi Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vi Văn Th 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26 tháng 03 năm 2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585; 586 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Vi Văn Th phải trả lại cho anh Trương Công S số tiền 3.700.000đồng; Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 900.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ và án phí dân sự cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Con Cuông;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Con Cuông;
- CQTHAHS huyện Con Cuông;
- CCTHADS huyện Con Cuông;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Văn Bảo